

Số: 03 /CV-HĐQT-VCA

Biên Hòa, ngày 16 tháng 02 năm 2022

V/v: CBTT Báo cáo thường niên
năm 2021.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Thép VICASA – VNSTEEL**
2. Mã chứng khoán: **VCA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0251.3836148 Fax: 0251.3836505
5. Người thực hiện công bố thông tin:
 - Ông: Nguyễn Thanh Hùng, Kế toán trưởng Công ty.
 - Địa chỉ : Số 3+5 Lô C9, KP11, Phường Tân Phong, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Điện thoại (di động): 0918655855
 - Điện thoại Công ty: 0251.3835025 Fax: 0251 3836969
6. Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.
7. Địa chỉ Website đăng tải nội dung thông tin công bố: <http://www.thepbienhoa.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người được ủy quyền CBTT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT Cty.



Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục số IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Số: 02 /BC-HĐQT-VCA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL**
NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **0251.3836148**
- Số fax: **0251.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com; www.thepbienhoa.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

Quá trình hình thành và phát triển

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2018.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2019.

* Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

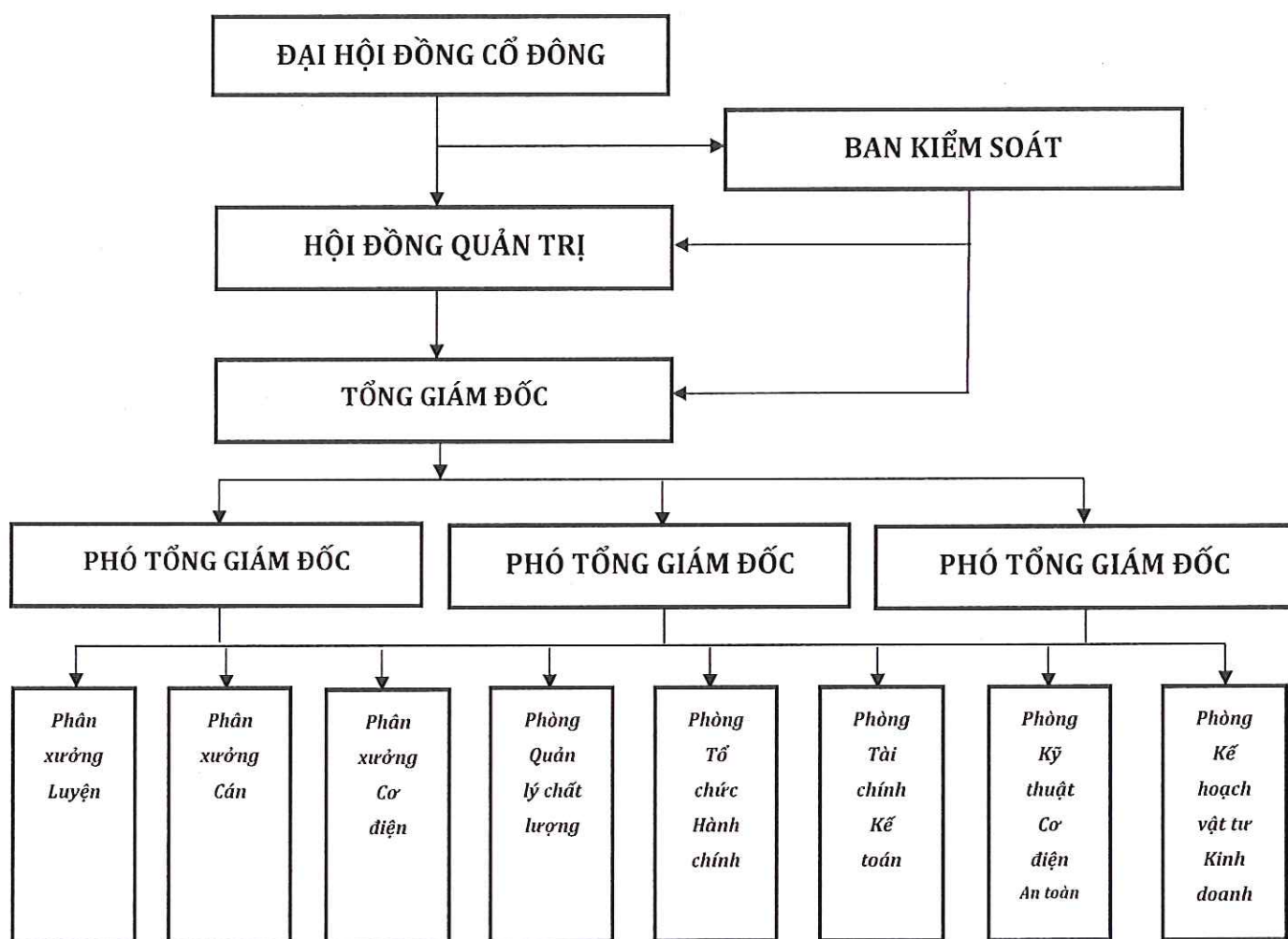
* Quyết định số 891/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc: Chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần thép VICASA – VNSTEEL tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: + Sản phẩm thép cán
+ Sản phẩm phi thép
- Địa bàn kinh doanh: + Thành phố Hồ Chí Minh
+ Bà Rịa - Vũng Tàu
+ Nha Trang
+ Cần Thơ

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.



- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng Chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của

Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

1. Ông Lê Văn Cam Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT-VCA ngày 20/12/2021: Tiếp nhận đơn từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 của ông Lê Văn Cam.
2. Ông Huỳnh Công Du Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Văn Thoan Thành viên HĐQT
Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-VCA ngày 20/12/2021: Ông Nguyễn Văn Thoan Phụ trách HĐQT - Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
4. Ông Nguyễn Đông Vững Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Bảo Giang Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

1. Ông Nguyễn Phước Hải Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Bạch Đường Thành viên BKS
3. Ông Hồ Duy Khải Thành viên BKS.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 03 phó Tổng Giám đốc:

- + Ông Huỳnh Công Du Tổng giám Đốc
- + Ông Vương Thanh Đường Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Nguyễn Đông Vững Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Ngô Tiến Thọ Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

- + Phòng Tổ chức Hành chính: Ông Vũ Hồng Khanh: Trưởng phòng
- + Phòng Tài chính Kế toán Ông Nguyễn Thanh Hùng: Trưởng phòng
- + Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh Ông Hoàng Đức Hoa: Trưởng phòng
- + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn Ông Nguyễn Quyết Chiến: Trưởng phòng
- + Phòng Quản lý Chất lượng Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng
- + Phân xưởng Luyện Ông Ngô Tiến Thọ: P.TGD kiêm Quản đốc
- + Phân xưởng Cán Ông Trần Ngọc Quân: Quản đốc
- + Phân xưởng Cơ điện Ông Phạm Xuân Phong: Quản đốc.

– Các công ty con, công ty liên kết: Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2021:

- + Kế hoạch sản xuất:
 - Sản lượng phôi thép: 180.000 tấn.
 - Sản lượng thép cán: 170.000 tấn.
- + Doanh thu: 2.979 tỷ đồng.
- + Kế hoạch tiêu thụ:
 - Tiêu thụ thép cán: 170.000 tấn.
- + Lợi nhuận trước thuế: 20.000 triệu đồng.
- + Cổ tức: 7%

– Công tác an toàn vệ sinh môi trường:

Để sản xuất được an toàn Công ty đã triển khai các công việc sau:

+ Tổ chức kiểm tra công tác ATVSLĐ và 5S. Tổ chức kiểm tra công tác an toàn khi thực hiện phương án 3 tại chỗ.

+ Triển khai tháng ATVSLĐ năm 2021: Làm các băng rôn, bảng nội quy, quy định về ATVSLĐ.

+ Tổ chức lớp huấn luyện ATVSLĐ định kỳ, lớp đánh giá rủi ro. Lập kế hoạch đánh giá rủi ro cho các phân xưởng sản xuất. Tổ chức họp phân tích nguyên nhân các biện pháp khắc phục các sự cố cầu trục 60 tấn của PX. Luyện.

+ Triển khai huấn luyện và thực tập phòng chống cháy chữa cháy năm 2021.

+ Triển khai làm phai chắn nước ở cống bảo vệ, các bao chứa cát cho cống bảo vệ và PX. Cán để chuẩn bị tốt cho công tác phòng chống lụt bão.

+ Tổ chức kiểm định 2 cầu trục 60 tấn, 02 xe gòong đúc liên tục, cầu trục 30 tấn, hệ thống khí áp lực...

+ Tổ chức đo đạc tiếp địa, các thiết bị điện, hệ thống chống sét, đo kiểm môi trường làm báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

+ Ban hành quy trình giao nhận, chiết nạp chai Oxy y tế nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công nhân thao tác vận hành, cung cấp kịp thời Oxy cho các đơn vị y tế có nhu cầu để điều trị bệnh nhân mắc Covid-19.

- + Lắp đặt hệ thống điện bơm nước tự động hệ thống xử lý nước thải trong Công ty.
 - + Tai nạn lao động: 02 vụ tai nạn nhẹ. Số người bị tai nạn: 02 người.
- **Công tác tổ chức lao động, tiền lương:**
- * **Công tác tổ chức lao động:**
 - + Lao động bình quân trong năm là 400 người/tháng. Số lao động tại thời điểm 31/12/2021 là 393 người.
 - * Số lao động giảm so với đầu năm: 37 lao động.
 - * Số lao động được tuyển dụng: 11 người.
 - + Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức sắp xếp lại lao động, tinh giảm bộ máy tổ chức sản xuất kinh doanh để giảm chi phí tiền lương và các khoản chế độ có liên quan. Vận động một số lao động sức khỏe yếu và gần đến tuổi nghỉ hưu nghỉ trước tuổi để giảm lao động (24 người). Rà soát, tổ chức lại lực lượng lao động để tăng năng suất lao động của Công ty.
 - + Tổ chức lấy ý kiến của Người lao động cấp dưới đối với cấp trên để quản lý cấp trên khắc phục những nhược điểm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh để kịp thời khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.
 - + Điều động 06 CBCNV để thay thế cho các lao động nghỉ việc.
 - * **Công tác tiền lương:**
 - + Quản lý quỹ tiền lương theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của Công ty. Thực hiện việc trả lương theo đơn giá sản phẩm đã được HĐQT Công ty duyệt và phương án trả lương sản phẩm theo điểm vị trí công việc.
 - + Thực hiện chi trả tiền lương hàng tháng và bổ sung lương cho CBCNV nhân dịp Lễ, Tết đầy đủ và đúng quy định.
 - + Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2021 là: 22,089 triệu đồng/người/tháng.
- **Công tác Tài chính – Kế toán:**
- * **Các khoản phải thu:** Cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 118,79%, do tăng dư nợ phải thu của các khách hàng lớn như: Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty CP Thép Nhà Bè, Chip Mong Group Ltd.
- Số dư các khoản phải thu đến ngày 31/12/2021 là: 123,234 tỷ đồng. Bao gồm:
- + Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 117,813 tỷ đồng. Trong đó:
 - * Công ty Thép Miền Nam là: 84,690 tỷ đồng;
 - * Công ty CP Thép Nhà Bè: 16,458 tỷ đồng;
 - * Công ty Chipmong Group: 16,231 tỷ đồng.
 - + Trả trước cho người bán ngắn hạn: 3,589 tỷ đồng.
 - + Phải thu ngắn hạn khác (Thuế TNCN, tạm ứng, ký quỹ): 1,867 tỷ đồng.
 - + Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 35 triệu đồng (DNTN Mười Thanh).
- * **Hàng chậm luân chuyển kém phẩm chất không sử dụng được:**
- Thời điểm 31/12/2021 hàng chậm luân chuyển, kém phẩm chất không sử dụng được là 0 đồng.
- * **Công tác tài chính khác:**

- + Lập các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị nội bộ và theo yêu cầu của Tổng Công ty và các cơ quan chức năng khác.
- + Thực hiện các hồ sơ cho buổi Lễ trao quyết định niêm yết chính thức và chào mừng ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu VCA tại HOSE ngày 10/03/2021. Cổ phiếu VCA lên sàn HOSE giúp Công ty lan tỏa hình ảnh, thương hiệu, minh bạch thông tin và quản trị cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp và khả năng huy động vốn cho các dự án trong thời gian tới, xứng đáng với niềm tin của Cổ đông và sự lựa chọn của các Nhà đầu tư.
- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
- + Công bố và gửi báo cáo tài chính bán niên năm 2021 (đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày 30/08/2021, đồng thời đăng tải trên trang Web của Công ty (quan hệ cổ đông) vào cùng ngày.

- Công tác kỹ thuật và công nghệ:

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện một số công tác kỹ thuật như sau:

- + Hoàn thành sửa chữa kho C thành phẩm, nhà nghỉ ca phân xưởng Cán.
- + Lắp bổ sung quạt làm mát biến thế 30MVA.
- + Bảo dưỡng động cơ BlockMill, thay vòng bi, xử lý cổ góp.
- + Lắp đặt hoàn chỉnh máy đóng bó thép thanh, kèm theo ban hành hướng dẫn vận hành.
- + Kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất khâu đúc liên tục, khâu nung thỏi đảm bảo sự phối hợp tốt đáp ứng đúng các yêu cầu kỹ thuật quá trình, kết hợp đề ra các giải pháp nhằm giảm tiêu hao điện nung thỏi và điện máy cán, giảm tỷ lệ thép ngán.
- + Lập phương án cải thiện hệ thống nước làm nguội, phương án tiết kiệm điện, giảm thép ngán và nâng cao chất lượng bề mặt sản phẩm trong sản xuất thép cán.
- + Thực hiện công tác sửa chữa máy biến thế 25 MVA. Kiểm tra thí nghiệm định kỳ máy biến thế nguồn 30MVA và các thiết bị đóng cắt. Xây dựng các quy trình vận hành, sửa chữa máy biến thế nguồn các loại trong Công ty.
- + Xây dựng cụm bản vẽ: Hệ thống dầm rung khuôn đúc liên tục, cơ cấu đỡ nạp lò EBT khi quay.
- + Điều chỉnh chế độ nước làm nguội theo tốc độ đúc nhằm tăng nhiệt độ thỏi đúc.
- + Kiểm tra đo cách điện các thiết bị điện định kỳ.
- + Đã ký hợp đồng lập FS dự án di dời Công ty. Triển khai lập phương án kỹ thuật công nghệ: Di dời và cải tạo nâng cấp toàn bộ thiết bị chính phân xưởng luyện và phân xưởng cán.
- + Bảo dưỡng thay 02 vòng bi theo định kỳ cho động cơ DC 100 KW trợ lực thép cuộn – PX. Cán.
- + Trang bị thêm 01 xe ben HUYNDAI đã qua sử dụng có tải trọng 12 tấn cho PX. Luyện, 01 máy tiện CNC cơ năng hiệu OKUMA cho PX. Cơ điện, khi máy này đưa vào sử dụng các con lăn hộp dẫn không phải mua ngoài (bên ngoài cung cấp phôi và nhiệt luyện, Công ty tự gia công).
- + Khảo sát đánh giá lại công suất sản xuất và sử dụng Oxy thổi lò, mức độ dò rỉ Oxy từ trạm đến lò EBT, kiểm định đồng hồ đo đếm Oxy tại lò EBT.
- + Thực hiện các hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch.

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ % 2021 (TH/KH)	Tỷ lệ % (2021/2020)
Thép Luyện	Tấn	180.000	184.100	186.012	102,28%	98,97%
Thép Cán	Tấn	170.000	159.743	159.347	93,97%	100,25%
Tiêu thụ Phôi thép	Tấn	5.000	19.088	26.372	381,76%	72,38%
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	170.000	152.520	170.597	89,72%	89,40%
Doanh thu	Tỷ đồng	2.056	2.613	2.159	127,09%	121,03%
Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	20,000	45,510	26,246	227,55%	173,40%

Về thực hiện so với kế hoạch năm 2021 (TH/KH):

- + Sản lượng SX phôi thép đạt 102,28% (184.100 tấn / 180.000 tấn).
- + Sản lượng SX thép cán đạt 93,97% (159.743 tấn / 170.000 tấn).
- + Sản lượng phôi thép SX bán ngoài đạt 381,76% (19.088 tấn / 5.000 tấn).
- + Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 89,72% (152.520 tấn / 170.000 tấn).

Về thực hiện so với cùng kỳ (2021/2020):

- + Sản lượng SX phôi thép năm 2021 so với cùng kỳ giảm 1,03%.
- + Sản lượng SX thép cán năm 2021 so với cùng kỳ tăng 0,25%.
- + Sản lượng phôi thép SX bán ngoài năm 2021 so với cùng kỳ giảm 27,62%.
- + Sản lượng tiêu thụ thép cán năm 2021 so với cùng kỳ giảm 10,60%.

Hiện nay công tác tiêu thụ thực hiện theo Quy định quản lý giám sát hoạt động và tiêu thụ sản phẩm thép /V/ của Tổng Công ty. Qua đó đã có gắn kết và đồng bộ nhất định giữa các Công ty cổ phần và Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL trong việc lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như trong việc xây dựng giá bán thép.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

2.1 Ông Huỳnh Công Du: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim; Cử nhân kinh tế QTKD.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu; cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu).

2.2 Ông Vương Thanh Đường: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 0 cổ phiếu).

2.3 Ông Nguyễn Đông Vững: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.518.750 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu Không, cổ phiếu được ủy quyền 1.518.750 cổ phiếu).

2.4 Ông Ngô Tiến Thọ: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim đen.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu phổ thông.

2.5 Ông Nguyễn Thanh Hùng: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.958 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 1.958 cổ phiếu).

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

- Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2021 là: 393 người.

3. Tình hình đầu tư phát triển và đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

Căn cứ theo kế hoạch đã được Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP phê duyệt, năm 2021 Công ty đã triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư và mua sắm tài sản cố định sau:

a) Đầu tư phát triển: Không phát sinh

b) Đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ):

DVT: Tỷ đồng

Stt	Hạng mục	Tổng giá trị được phê duyệt	Cơ cấu nguồn vốn		Tổng chi phí phát sinh (chưa có VAT)	Giá trị quyết toán (Bao gồm VAT)
			Vốn CSH	Vốn vay		
1	Hệ thống điều khiển điện cực lò Luyện thép	5,000	5,000	0,0	4,122	Năm 2019 chuyển qua
2	Máy phân tích quang phổ	1,500	1,500	0,0	1,327	1,450
3	Giá cán Blockmill	2,500	-	-	-	Không thực hiện
4	Cân thép lỏng lò thùng trên cầu trục ra thép lò EBT	1,000	-	-	-	Không thực hiện
5	Đúc liên tục, đúc thổi vuông 130	2,000	-	-	-	Không thực hiện
6	Xe ô tô 7 chỗ	1,300	1,300	0,0	1,236	1,347
	Tổng cộng	13,300	13,300	0,0	6,685	2,797

Tình hình thực hiện các dự án:

- Hệ thống điều khiển điện cực lò luyện thép: Chuyển tiếp từ năm 2019. Tổng GTHĐ với nhà thầu Danieli là 148.000 EUR, đã thanh toán 80% GTHĐ. Chưa thể nghiệm thu do chuyên gia Ý chưa qua vì tình hình dịch COVID-19 kéo dài.

- Máy phân tích quang phổ: Đã tổ chức chào hàng cạnh tranh qua mạng ngày 19/4/2021, ký hợp đồng với nhà thầu thực hiện ngày 14/05/2021. Đã nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Xe ô tô 7 chỗ: Tổ chức mở thầu (hình thức chào hàng cạnh tranh qua mạng) ngày 20/07/2021, ký hợp đồng thực hiện ngày 06/09/2021. Đã đưa vào sử dụng 06/10/2021.

- Các hạng mục khác: Không thực hiện (Giá cán Block Mill, Đúc thời vuông 130; cân thép lòng lò thùng)

+ *Giá cán Block Mill*: Với thiết bị đòi hỏi độ chính xác cao và việc xây dựng lại bản vẽ chế tạo từ thiết bị đang sử dụng, các nhà cung cấp thiết bị không cam kết được yêu cầu của VICASA: Sau nghiệm thu có tài, mới thanh toán tiền hàng. VICASA tiến hành thay thế vật tư, phụ tùng đảm bảo yêu cầu sản xuất (chỉ đặt hàng mua sắm các chi tiết rời, mau mòn chống hỏng).

+ *Đúc liên tục, đúc thời vuông 130*: Để đạt hiệu quả đầu tư cần thiết nâng năng suất luyện thép. Chuẩn bị điều kiện này Công ty đã tiến hành phân bổ phụ tải nguồn cung cấp điện 22KV và 110KV, giảm tải biến thế nguồn luyện thép 30MVA-110KV. Tuy nhiên trong năm có xảy ra hư hỏng biến thế 25MVA lò EAF, vì vậy năng suất luyện thép vẫn giữ nguyên nên vẫn duy trì đúc liên tục, đúc thời vuông 120.

+ *Cân thép lòng lò thùng trên cầu trục ra thép lò EBT*: Qua khảo sát các nhà chế tạo cân thi kết cấu nhà xưởng PX Luyện thép với tình trạng: Nhà xưởng sửa chữa tải trọng cầu trục lên 60T khi sử dụng lò LF 30T, thời gian sử dụng kéo dài...tính ổn định, cứng vững nhà xưởng đảm bảo độ chính xác và tránh hư hỏng hệ thống cân điện tử không đáp ứng được.

a. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ (CK)	Số đầu kỳ (ĐK)	Chênh lệch CK / ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	TỔNG TÀI SẢN	578.976	312.982	265.994	84,99%
I	Tài sản ngắn hạn	515.725	226.191	289.534	128,00%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.763	46.574	(25.811)	-55,42%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
3	Các khoản phải thu	123.234	56.325	66.909	118,79%
4	Hàng tồn kho	353.554	114.999	238.555	207,44%
5	Tài sản ngắn hạn khác	18.174	8.292	9.882	119,18%
II	Tài sản dài hạn	63.251	86.791	(23.540)	-27,12%
1	Phải thu dài hạn	-	-	-	-
2	Tài sản cố định hữu hình	51.385	73.415	(22.030)	-30,01%
3	Tài sản dở dang dài hạn	4.194	4.122	72	1,75%
4	Tài sản dài hạn khác	7.672	9.254	(1.582)	-17,10%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	578.976	312.982	265.994	84,99%
I	Nợ phải trả	338.496	91.476	247.020	270,04%
1	Nợ ngắn hạn	338.496	91.476	247.020	270,04%
2	Nợ dài hạn	-	-	-	-

II	Nguồn vốn chủ sở hữu	240.481	221.506	18.975	8,57%
1	Vốn chủ sở hữu	240.481	221.506	18.975	8,57%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-

b. Chỉ số tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	10,92%	27,73%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	89,08%	72,27%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,46%	29,23%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,54%	70,77%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,48	1,22
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,52	2,47
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,39%	0,98%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	6,28%	6,73%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,13%	9,51%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	2.396	1.387

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 08/06/2021):

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông. Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 5.315.447 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 9.871.875 cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- **Cổ đông trong nước: 15.132.335 CP Tỷ lệ: 99,64%**
 - *Cổ đông Nhà nước: 9.871.875 CP Tỷ lệ: 65,00%*
 - *Cổ đông tổ chức: 1.183.529 CP Tỷ lệ: 7,79%*
 - *Cổ đông cá nhân: 4.076.931 CP Tỷ lệ: 26,84%*
- **Cổ đông nước ngoài: 54.987 CP Tỷ lệ: 0,36%**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động đến môi trường:

- Thực hiện tốt công tác quản lý môi trường Công ty đã được UBND Tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước. Tổ chức chuyên giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.
- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.
- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn định kỳ xử lý.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Khó khăn:

a) Thị trường thép thế giới:

Nhìn chung trong năm 2021 là giai đoạn rất khó khăn đối với nền kinh tế thế giới, trong đó có ngành thép xuất phát từ một số nguyên nhân như:

- Tác động của đại dịch bệnh COVID-19 làm kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
- Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác thu mua phế liệu do các đối tác cung cấp gặp khó khăn trong khâu thu mua và vận chuyển do ảnh hưởng của dịch bệnh. Bên cạnh đó, Trung Quốc đang trong giai đoạn khủng hoảng năng lượng nên giá các nguyên vật liệu phục vụ cho luyện thép nhập khẩu từ Trung Quốc như: Fero, than điện cực tăng mạnh.

b) Thị trường trong nước:

- Trong tháng 02/2021 đã xảy ra sự cố hư máy biến thế 25MVA phải ngưng sản xuất 10 ngày, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và bán hàng của Công ty.
- Quý III/2021 là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty trong những năm gần đây do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên thị trường tiêu thụ rất chậm. Thị trường trong nước gần như đóng băng do toàn bộ các tỉnh phía Nam đang thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16/CT-TTg, hầu hết các nhà phân phối đã đóng cửa không bán hàng.
- Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác thu mua phế liệu do các đối tác cung cấp gặp khó khăn trong khâu thu mua và vận chuyển do ảnh hưởng của dịch bệnh. Các nhà sản xuất trong nước đặc biệt là lò trung tần đẩy giá mua lên cao, tập trung thu mua các loại hàng chất lượng tạo ra cuộc cạnh tranh gay gắt về lượng và chất, điều này ảnh hưởng lớn đến các đơn vị sử dụng 100% liệu nội như VICASA.

1.2. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ của Tổng Công ty Thép trong việc điều hành và công tác tiêu thụ sản phẩm;
- Bộ máy tổ chức của Công ty đã ngày càng được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty VICASA có truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn để thực hiện tốt và hoàn thành nhiệm vụ;
- Trong những tháng đầu năm mặc dù giá nguyên liệu thép phế tăng nhưng Công ty đã chuẩn bị đầy đủ nguyên liệu nên chủ động trong việc sản xuất. Thành phẩm trong nước tiêu thụ rất tốt do nhu cầu tăng cao. Vì vậy hiệu quả kinh doanh của Công ty tương đối khả quan, lợi nhuận khá tốt.
- Trong quý III/2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh nhưng nhờ thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất do ảnh hưởng của dịch bệnh, bảo vệ tốt cho Người lao động và duy trì thành quả của sản xuất kinh doanh. Kể từ tháng 10/2021, một số tỉnh thành phía Nam đã nới lỏng giãn cách nên tạo điều kiện cho Công ty khôi phục sản xuất và tiêu thụ.



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021: Lợi nhuận sau thuế đạt được 36,384 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

- Tài sản tính đến cuối năm 2021 tăng 265,994 tỷ đồng (tăng 84,99%). Tài sản ngắn hạn tăng 289.534 tỷ đồng (tăng 128,00%); Tài sản dài hạn giảm 23,540 tỷ đồng (giảm 27,12%).
- So với cùng kỳ, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm đi, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng lên. Nguyên nhân chủ yếu do giá trị hàng tồn kho tăng và phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng.
- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 238,555 tỷ đồng (tăng 207,44%), chủ yếu do tồn kho thép cán thành phẩm, phôi thép, thép phế liệu và vật liệu phụ (Ferro, Silicon Mangan...).

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả cuối năm 2021 là 338,496 tỷ đồng: Tăng so với đầu kỳ là 247,019 tỷ đồng (tăng 270,04%) chủ yếu là khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2021 tăng so với đầu năm (tăng 242,283 tỷ đồng).
- Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả.

Khoản đóng góp ngân sách năm 2021: Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 14,657 tỷ đồng. Trong đó: Thuế TNDN = 8,921 tỷ đồng; Thuế TNCN = 3,884 tỷ đồng;

3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.
- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị, quy hoạch các bãi bê tông chứa thép vụn. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và lượng phế liệu tồn kho ngày 31/12/2021 là 12.993 tấn.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

- + Sản xuất Phôi thép: 180.000 Tấn
- + Sản xuất và tiêu thụ Thép cán: 165.000 Tấn
- + Doanh thu: 2.774 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 20 tỷ đồng
- + Chia cổ tức: 7%

- Kế hoạch đầu tư di dời: Hiện tại Công ty đang phối hợp cùng UBND Tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty Thép Việt Nam tìm vị trí đất phù hợp với nhà máy sản xuất luyện kim, để tiến hành đầu tư di dời Công ty trong thời gian thích hợp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám Đốc, phối hợp với ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.

- Công ty đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

- Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển sàn chứng khoán từ UPCOM (HNX) sang Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HSX): Ngày 10/03/2021, hơn 15 triệu cổ phiếu của Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) với mã VCA. Việc đưa cổ phiếu VCA lên sàn giúp Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL lan tỏa hình ảnh, thương hiệu, minh bạch thông tin và quản trị cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp và khả năng huy động vốn cho các dự án trong thời gian tới, xứng đáng với niềm tin của Cổ đông và sự lựa chọn của các nhà đầu tư.

Năm 2021 là năm tương đối khó khăn đối với Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL, một phần do tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế trong nước và thế giới. Tình hình thị trường có nhiều diễn biến phức tạp, giá phế liệu tăng cao và khan hiếm nguồn hàng. Nhưng với sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty, cùng với sự giúp đỡ và chỉ đạo kịp thời, toàn diện về nhiều mặt của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty đạt mức tương đối ổn định về sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận, ổn định được thu nhập và đời sống cho CBCNV. Kết quả: Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 227,55% so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra (TH 45,510 / KH 20,000 tỷ đồng).

2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, HĐQT Công ty có kế hoạch đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật và kế hoạch đầu tư di dời, để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc theo đúng định hướng phát triển Công ty để mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Lê Văn Cam)	-	-	Chủ tịch HĐQT: Nghỉ hưu từ Tháng 12/2021.
2	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thoan)	6.075.000	40 %	Thành viên HĐQT; Từ 20/12/2021: Phụ trách HĐQT.
3	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Huỳnh Công Du)	2.278.125	15 %	Tổng Giám đốc (Thành viên Ban điều hành Công ty)
4	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Đông Vững)	1.518.750	10 %	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Ban điều hành Công ty)
5	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành công ty)

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	4	4/4
2	Nguyễn Văn Thoan	Ủy viên HĐQT	2	2/2
3	Huỳnh Công Du	Ủy viên HĐQT	4	4/4
4	Nguyễn Đông Vững	Ủy viên HĐQT	4	4/4
5	Nguyễn Bảo Giang	Ủy viên HĐQT	4	4/4

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT-VCA	20/01/2021	Thông qua việc chuyển sàn giao dịch từ Up.com qua HOSE, ngừng nhận hồ sơ chuyển quyền sử dụng chứng khoán.
2	02/NQ-HĐQT-VCA	25/02/2021	Ngày giao dịch đầu tiên và giá niêm yết dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu VCA.
3	03/NQ-HĐQT-VCA	12/03/2021	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ năm 2021.
4	04/NQ-HĐQT-VCA	16/03/2021	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý I/2021.
5	05/NQ-HĐQT-VCA	09/04/2021	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý II/2021.
6	06/NQ-HĐQT-VCA	23/04/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Thép Vicasa – Vnsteel.
7	07/NQ-HĐQT-VCA	17/08/2021	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý III/2021.
8	08/NQ-HĐQT-VCA	20/10/2021	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý IV/2021.
9	09/NQ-HĐQT-VCA	20/12/2021	Nghị quyết tiếp nhận đơn từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và TV HĐQT của ông Lê Văn Cam.
10	10/NQ-HĐQT-VCA	20/12/2021	Nghị quyết bầu ông Nguyễn Văn Thoan: Phụ trách HĐQT – Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 03 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một số hoặc một nhóm thiểu số thành viên nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Danh sách 03 thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành Công ty năm 2021 như sau:

- + Ông Lê Văn Cam Chủ tịch HĐQT; Nghi hưu từ T.12/2021.
- + Ông Nguyễn Văn Thoan Thành viên HĐQT; Từ 20/12/2021: Phụ trách HĐQT.
- + Ông Nguyễn Bảo Giang: Thành viên HĐQT

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành công ty năm 2021 như sau:

- + Ông Huỳnh Công Du Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc
- + Ông Nguyễn Đông Vững Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

d) Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2021 sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Phước Hải	0	0,0000%	Trưởng Ban
3	Lê Trọng Dung	-	-	Ủy viên; Miễn nhiệm UV BKS tại ĐHĐCĐ 2021 ngày 23/04/2021
3	Hồ Duy Khải	337	0,0022%	Ủy viên
4	Nguyễn Bạch Đường	1.462	0,0096%	Ủy viên; Bầu mới UV BKS tại ĐHĐCĐ 2021 ngày 23/04/2021

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã tham gia 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp BKS để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2021 bao gồm:

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020 liên quan đến việc thực hiện kế hoạch từng quý, năm 2021.
- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn trong năm 2021.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính từng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2021 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

e) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Thu nhập, thù lao: Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 2021	Thù lao	Tổng cộng
1	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT; Nghi hưu T12/2021	935.785.000	0	935.785.000

2	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT, TGD	865.894.000	0	865.894.000
3	Nguyễn Văn Thoan	TV HĐQT; Phụ trách HĐQT	429.000.000	24.000.000	453.000.000
4	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT, P.TGD	688.297.000	0	688.297.000
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	28.000.000	36.000.000	64.000.000
6	Vương Thanh Đường	Phó Tổng giám đốc	726.713.000	0	726.713.000
7	Ngô Tiến Thọ	Phó Tổng giám đốc	699.740.000	0	699.740.000
8	Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát	511.073.000	0	511.073.000
9	Nguyễn Bạch Đường	Thành viên ban kiểm soát	390.757.000	18.000.000	408.757.000
10	Hồ Duy Khải	Thành viên ban kiểm soát	391.680.000	27.000.000	418.680.000
11	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng	541.372.000	0	541.372.000
	Tổng cộng		6.208.311.000	105.000.000	6.313.311.000

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.
c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

VI. Báo cáo Tài chính năm 2021:

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Kiểm toán viên: **Phạm Văn Sang** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3864-2020-002-1) đã ký.

Giám đốc: **Trần Trung Hiếu** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2202-2018-002-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2021:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021:

(Đơn vị tính : Việt Nam Đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		515.725.242.495	226.190.972.066
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	20.763.229.800	46.574.174.332
1. Tiền	111		20.763.229.800	8.574.174.332
2. Các khoản tương đương tiền	112			38.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		

III. Các khoản phải thu	130		123.233.907.317	56.325.493.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	117.812.597.314	53.632.246.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	3.588.826.683	2.191.838.800
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	1.867.483.320	546.408.849
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(35.000.000)	(45.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	353.554.108.694	114.999.410.696
1. Hàng tồn kho	141		353.554.108.694	114.999.410.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.173.996.684	8.291.893.129
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	3.491.861.730	2.892.185.116
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.17	14.682.134.954	5.399.708.013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.250.937.474	86.790.973.925
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		51.384.658.987	73.414.697.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	51.384.658.987	73.414.697.866
- Nguyên giá	222		394.355.488.347	394.103.032.025
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(342.970.829.360)	(320.688.334.159)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.193.917.005	4.121.917.005
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	4.193.917.005	4.121.917.005
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.672.361.482	9.254.359.054
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	7.672.361.482	9.254.359.054
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		578.976.179.969	312.981.945.991

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		338.495.626.407	91.476.401.049
I. Nợ ngắn hạn	310		338.495.626.407	91.476.401.049
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	48.435.469.655	53.119.677.790
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.821.957.938	1.811.735.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	2.150.487.405	1.945.520.968
4. Phải trả người lao động	314		21.778.722.610	21.133.868.403
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	5.037.290.502	1.008.671.497
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	1.863.002.155	2.561.308.469
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	242.333.296.142	50.000.000

11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23	15.075.400.000	9.841.770.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			3.848.229
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240.480.553.562	221.505.544.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	240.480.553.562	221.505.544.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.166.443.182	34.191.434.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.782.789.562	13.125.264.488
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.383.653.620	21.066.170.074
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		578.976.179.969	312.981.945.991

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2021	NĂM 2020
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.623.096.461.293	2.172.546.820.855
2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	9.766.622.988	13.154.515.793
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		9.766.622.988	13.049.621.878
2.2	- Giảm giá hàng hoá	05			7.695.000
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06			97.198.915
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.613.329.838.305	2.159.392.305.062
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	2.515.957.151.011	2.073.711.034.656
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97.372.687.294	85.681.270.406
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	466.232.498	1.206.093.715
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	7.222.808.513	7.681.796.960
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.821.121.838	6.957.417.593
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-



9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	14.892.926.276	21.030.525.237
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	30.150.616.881	32.493.405.972
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		45.572.568.122	25.681.635.952
12	Thu nhập khác	31	VII.6	37.572.904	587.782.363
13	Chi phí khác	32	VII.7	100.000.001	22.727.273
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(62.427.097)	565.055.090
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		45.510.141.025	26.246.691.042
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	9.126.487.405	5.180.520.968
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		36.383.653.620	21.066.170.074
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.396	1.241
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần thép VICASA-VNSTEEL được đăng tải trên Website www.vicasasteel.com và địa chỉ www.thepbienhoa.com.vn

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2021 của: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL; Mã chứng khoán: VCA.**

Trân trọng.

Biên Hòa, Ngày 16 tháng 02 năm 2022

Thay mặt Ban điều hành Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK HCM;
- Lưu HĐQT.



Huỳnh Công Du